

# CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ PHỤC VỤ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ BỀN VỮNG - KINH NGHIỆM MỘT SỐ NƯỚC CHÂU Á

NGUYỄN TRỌNG TUẤN\*

Tăng trưởng kinh tế bền vững là sự tăng trưởng với tốc độ tương đối cao và ổn định trong một thời gian tương đối dài gắn với việc bảo vệ môi trường và tiến bộ xã hội. Tăng trưởng kinh tế bền vững là mục tiêu của mọi quốc gia trên thế giới, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển như Việt Nam nhằm tạo động lực cho phát triển kinh tế xã hội, đưa đất nước thoát khỏi nguy cơ tụt hậu và xác lập vị thế trong cạnh tranh hội nhập toàn cầu. Trong các yếu tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế của mỗi quốc gia, cơ cấu kinh tế có vai trò hết sức quan trọng. Một cơ cấu kinh tế hợp lý không chỉ có tác dụng phát huy các thế mạnh, các tiềm năng, các yếu tố sản xuất của đất nước có hiệu quả, mà còn là yếu tố quan trọng đảm bảo cho sự tăng trưởng bền vững của nền kinh tế. Một số nước ở châu Á đã chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đạt được sự tăng trưởng kinh tế cao trong một thời gian dài.

## *Kinh nghiệm của Trung Quốc*

Trung Quốc là nước láng giềng có nhiều điểm tương đồng với Việt Nam, nhất là cùng chuyển từ nền kinh tế “kế hoạch hoá tập trung”, quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường. Trung Quốc đã bắt đầu công cuộc cải cách, mở cửa nền kinh tế nhằm thực hiện “bốn hiện đại hoá” trong chương trình công nghiệp hoá đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội từ tháng 12/1987. Ba mươi năm tiên hành cải cách kinh tế, Trung Quốc thu được thành tựu trên nhiều mặt: tăng trưởng GDP liên tục cao, trong thời gian dài, bình quân hàng năm giai đoạn 1995 - 2001 là 8,2%; năm 2003 là 9,3% và năm 2004 là 9,2% và hơn 10% của những năm 2006, 2007. Trong hai năm 2008, 2009, dù chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, nền kinh tế Trung quốc vẫn đạt được mức

---

\* TS. Học viện Kỹ thuật quân sự.

tăng trưởng ngoạn mục: 9,6% và 8,7%. Tính tới cuối tháng 6 năm 2008, dự trữ ngoại tệ của Trung Quốc đã lên tới 1.800 tỉ USD và trở thành quốc gia có dự trữ ngoại tệ lớn nhất thế giới. Trung Quốc đã gia nhập APEC, WTO và có vai trò ngày càng lớn trong hệ thống thương mại thế giới. Đạt được những thành tựu trong tăng trưởng kinh tế đó là do Trung Quốc áp đã điều chỉnh cơ cấu ngành kinh tế theo hướng tăng trưởng dựa vào xuất khẩu. Trung Quốc kiên quyết chuyển mạnh từ kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa với thời gian rút ngắn, đẩy mạnh cải cách, mở cửa, tăng cường vai trò của ngoại thương trong phát triển kinh tế. Từng bước thực hiện tự do hoá thương mại và đầu tư, cắt giảm thuế quan và phi thuế quan. Để thực hiện mục tiêu trở thành “nước công nghiệp hoá có tỷ lệ lớn dân phi nông nghiệp, có nền công nghiệp hiện đại và dịch vụ hiện đại”, Trung Quốc đã tính toán rất cẩn thận, lựa chọn và sắp xếp bước đi mở cửa các ngành để có thể nâng cao dần sức cạnh tranh của chúng nhằm giữ ổn định thị trường trong nước. Chẳng hạn, mở cửa có lựa chọn các ngành nông nghiệp; mở cửa từng phần các ngành khai thác mỏ; mở cửa về cơ bản các ngành công nghiệp, nhất là các ngành chế tạo và đặc biệt khuyến khích đầu tư thương mại, tiền tệ, giao thông; mở cửa hạn chế các ngành thông tin, hàng không, vận tải biển, khai thác tài nguyên thiên nhiên, năng lượng, bảo hiểm, bất động sản, ngân hàng, quốc phòng. Trong khi chưa có lợi thế phát triển các ngành công nghệ cao, Trung Quốc mở rộng phát triển các ngành sử dụng lao động tập trung nhằm phát huy lợi thế của mình; đồng thời vẫn chú trọng phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn như chế tạo thiết bị thông tin, chế tạo thiết bị giao thông vận tải và ngành luyện kim; phát triển các ngành dầu khí, vận tải hàng không... Ngoài ra, chính phủ Trung Quốc coi trọng và đẩy mạnh phát triển ngành nông nghiệp trên cơ sở giải quyết tốt vấn đề ruộng đất, điều chỉnh các hình thức tổ chức sản xuất, tăng cường đầu tư, áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, hệ thống chính sách ưu tiên để gia tăng sản xuất nhằm cung cấp đủ lương thực và thực phẩm cho hơn 1,3 tỷ dân, phát triển các ngành chăn nuôi, tạo thêm nhiều việc làm; phát huy sức mạnh tổng hợp của Nhà nước và nhân dân để phát triển mạnh các ngành dịch vụ hạ tầng vật chất; phát triển các ngành dịch vụ, du lịch. Trung Quốc thực hiện chuyển đổi cơ cấu sản phẩm xuất khẩu, từ xuất khẩu sản phẩm thô, công nghiệp nhẹ sử dụng nhiều lao động sang sản phẩm công nghiệp nặng, hoá chất, rồi sang sản phẩm sử dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến; thực hiện đa dạng hoá thị trường xuất khẩu để đảm bảo xuất khẩu tăng nhanh, ổn định. Tuy mở cửa kinh tế muộn, Trung Quốc đã thực hiện chính sách “bỏ khuyết” rất mềm dẻo, thích hợp để tìm ra hướng đi thích hợp cho mình, tìm ra và khai thác triệt để những khoảng trống trên thị trường thế giới phục vụ cho việc mở rộng thị trường của mình. Là một nền kinh tế chuyển đổi, Trung Quốc chú trọng cải cách thể chế, ban hành nhiều bộ luật, điều lệ, sửa đổi hoặc huỷ bỏ những quy định đã cũ, lạc hậu, trái với các quy định WTO; nói lỏng thêm nhiều hạn chế đối với đầu tư nước ngoài, thực hiện đối xử bình đẳng đối với các doanh nghiệp FDI; cho phép thương nhân nước ngoài được tự do lựa chọn khu vực đầu tư trên cả nước; khuyến khích họ đầu tư vào những khu vực kinh tế thuận lợi nhất;

khuyến khích các doanh nghiệp FDI mở rộng xuất khẩu. Trung Quốc vận dụng tốt những quy tắc bảo hộ của WTO để đảm bảo duy trì sản xuất ổn định trong mỗi doanh nghiệp cũng như toàn bộ nền kinh tế. Trung Quốc đã thực hiện bước đột phá trong cải cách cơ chế chính sách đối với doanh nghiệp Nhà nước, quan niệm lại về xí nghiệp quốc doanh, vai trò chủ đạo của doanh nghiệp Nhà nước, thực hiện cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, áp dụng các tiêu chuẩn quản lý chất lượng quốc tế. Với phương châm “nắm to, thả nhỏ”, theo đó mà Nhà nước chỉ nắm một số ngành và doanh nghiệp có ý nghĩa then chốt, còn lại thì chuyển sang chế độ phi “công hữu” hay sở hữu tập thể.

### ***Kinh nghiệm của Hàn Quốc***

Hàn Quốc, từng được biết đến như một trong những nước nông nghiệp nghèo nhất thế giới, đã nghiêm túc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế từ năm 1962. Sau chưa đầy bốn thập kỷ, đất nước đã đạt được những thành tựu kinh tế được cả thế giới biết đến như “Kỳ tích trên sông Hàn”. Đó là một quá trình phi thường đã nhanh chóng giúp cải tạo nền kinh tế Hàn Quốc, đánh dấu một bước ngoặt trong lịch sử của đất nước. Đạt được nhiều thành tựu to lớn trong quá trình phát triển nền kinh tế là do Hàn Quốc đã chuyển đổi nhanh chóng cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá và hội nhập kinh tế quốc tế, khu vực: tăng tỷ trọng công nghiệp trong GDP từ 33,6% năm 1975 lên 40,2% năm 2005. Tăng tỷ trọng ngành dịch vụ từ 42% GDP vào năm 1975 lên 56,3% năm 2005. Giảm tỷ trọng nông nghiệp trong GDP từ hơn 60% xuống còn 24,5% vào năm 1975, và chỉ còn 3,7% vào năm 2005. Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) GDP của Hàn Quốc năm 1970 đạt 8,1 tỷ USD; năm 1990 là 264 tỷ USD và tăng mức 979,9 tỷ USD năm 2007, trở thành nền kinh tế lớn thứ 13 trên thế giới, đứng thứ 3 trong khu vực Đông Á, sau Trung Quốc và Nhật Bản.

Có sự được sự tăng trưởng kinh tế bền vững như trên là do Hàn Quốc đã lựa chọn mô hình chuyển đổi cơ cấu ngành kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá “rút ngắn”: rút ngắn thời kỳ xây dựng cơ cấu ngành kinh tế thay thế nhập khẩu, nhanh chóng chuyển sang xây dựng cơ cấu ngành kinh tế hướng về xuất khẩu. Quá trình chuyển đổi cơ cấu ngành kinh tế của Hàn Quốc bắt đầu từ cơ cấu nông nghiệp sang công nghiệp, từ công nghiệp nặng sử dụng nhiều vốn sang công nghiệp sử dụng công nghệ cao, nhưng với thời gian rút ngắn hơn. Đồng thời, Hàn Quốc lựa chọn cơ cấu ngành dựa trên lợi thế so sánh của đất nước. Hàn Quốc phát triển mạnh các ngành công nghiệp nhẹ sử dụng nhiều lao động như dệt may, tơ sợi, giày dép và các sản phẩm thuộc da. Vào thập kỷ 1970, họ lựa chọn các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp hoá chất và dành ưu tiên phát triển cho các ngành công nghệ cao. Chính phủ Hàn Quốc cũng chủ trương chuyển đổi cơ cấu xuất nhập khẩu phù hợp với tiến trình chuyển đổi cơ cấu ngành kinh tế. Hàn Quốc xác định xuất khẩu tạo ra chu trình liên hoàn với quá trình nhập khẩu và đầu tư (xuất khẩu - nhập khẩu - đầu tư - xuất khẩu), đóng vai trò chủ đạo trong quá trình công nghiệp hoá và áp dụng nhiều biện pháp nhằm đẩy mạnh ba hoạt động này. Chính phủ khuyến khích tư nhân hoạt

động R&D, nỗ lực nắm bắt và nhanh chóng làm chủ kỹ thuật để đuổi kịp các nước tiên tiến; khuyến khích liên kết các ngành công nghiệp, các trường đại học và các cơ sở nghiên cứu, triển khai khoa học công nghệ cao. Thực hiện cơ chế kết hợp linh hoạt “Chính phủ cứng và thị trường mềm” trong việc thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu ngành kinh tế. Chính phủ Hàn Quốc gắn kết chặt chẽ với các Chaebol, khuyến khích và ủng hộ mọi mặt cho sự phát triển của Chaebol. Cùng với khu vực tư nhân, đặc biệt là các Chaebol những công ty xuyên quốc gia lớn, các xí nghiệp Nhà nước của Hàn Quốc có vai trò lớn thúc đẩy công nghiệp hoá, chuyển dịch cơ cấu kinh tế phục vụ tăng trưởng bền vững.

Khi xu hướng kế hoạch hoá tăng lên, môi trường trong nước và thương mại quốc tế phát triển bất lợi, Hàn Quốc cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển các ngành cần nhiều lao động, công nghệ thấp sang các nước Đông Nam Á, Trung Quốc, Caribê và phát triển các ngành công nghệ cao để cạnh tranh với hàng hoá của Mỹ, Nhật Bản. Từ tháng 7/1997, cuộc khủng hoảng tài chính-tiền tệ nổ ra, mặt trái của sự phát triển quá nóng và cơ cấu kinh tế mất cân đối của Hàn Quốc đã bộc lộ. Tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm sút, đồng Won mất giá, thâm hụt thương mại tăng, các tập đoàn kinh tế phá sản, vỡ nợ, tình hình chính trị-xã hội bất ổn định, sự giảm sút sức cạnh tranh của hàng hoá trên thị trường thế giới do chi phí sản xuất cao... Để thoát khỏi tình trạng đó, Hàn Quốc tiến hành những điều chỉnh mới ưu tiên đẩy mạnh cải cách chính sách tài chính - tiền tệ, khắc phục hậu quả của khủng hoảng, tái cơ cấu nền kinh tế theo quá trình tự do hoá thương mại, tăng cường đầu tư, không ngừng đẩy mạnh các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới để tăng trưởng kinh tế bền vững và hội nhập sâu vào kinh tế thế giới.

### ***Kinh nghiệm của Nhật Bản***

Từ quốc gia bị tàn phá nặng nề sau Chiến tranh thế giới thứ II, Nhật Bản đã vươn lên xây dựng nền kinh tế hiện đại và đã đạt được những kỳ tích chấn động thế giới, trở thành siêu cường kinh tế đứng thứ hai thế giới sau Mỹ. Suốt một thời kỳ lịch sử dài, Nhật Bản thực hiện khá thành công trong quá trình phát triển nền kinh tế và chuyển đổi cơ cấu ngành kinh tế theo hướng công nghiệp hoá và hội nhập kinh tế quốc tế. Năm 1960, tỷ trọng ngành công nghiệp trong GDP đạt 45,6%, ngành dịch vụ là 48% và nông nghiệp là 6,4%. Đến năm 2005, tỷ trọng công nghiệp chiếm 25,3% GDP, ngành dịch vụ đạt 73,5%, nông nghiệp chỉ còn 1,3%. Năm 2005 GDP của Nhật Bản là 4.664 tỷ USD. Thu nhập bình quân đầu người là 31.500 USD. Đạt được thành tựu trong tăng trưởng kinh tế là do Nhật Bản đã kiên trì chiến lược chuyển đổi cơ cấu ngành kinh tế hướng về xuất khẩu, coi xuất khẩu hàng hoá luôn là lợi ích sống còn, là động lực mạnh mẽ phát triển kinh tế; Nhật Bản đã lựa chọn những ngành có lợi thế so sánh động, có khả năng tăng năng suất cao, có nền tảng công nghệ cao để đẩy mạnh phát triển. Trong thời kỳ tăng trưởng nhanh, Nhật Bản xây dựng cơ cấu công nghiệp phát triển theo chiều rộng, chọn ngành công nghiệp cơ bản (công nghiệp nặng, gồm sản xuất sắt thép, chế tạo cơ khí và hoá chất), có công nghệ mũi nhọn đạt được hiệu quả kinh tế cao nhờ quy mô để ưu tiên phát triển. Nhật Bản sắp xếp thứ tự ưu tiên các ngành theo từng thời kỳ, trước tiên là

ngành luyện kim, chế tạo máy, đóng tàu, ô tô, điện lực, thép... sau đó là các ngành cơ khí, hoá chất, cuối cùng là ngành công nghệ cao. Kết quả là chỉ trong thời gian ngắn công nghiệp nặng đã nhanh chóng thay thế vai trò chủ đạo của công nghiệp nhẹ. Để hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới, Nhật Bản điều chỉnh cơ cấu ngành theo hướng tăng năng lực cạnh tranh quốc tế, hướng lựa chọn và phát triển các ngành công nghiệp có hàm lượng vốn và khoa học - công nghệ cao, không gây ô nhiễm môi trường tiêu hao ít nguyên liệu và lao động sống như công nghiệp điện tử, viễn thông, tin học, sinh học, vật liệu mới, ...; Nhật Bản cũng coi trọng và chú ý phát triển nông nghiệp, tạo điều kiện, hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn, để ngành nông nghiệp đảm bảo nhu cầu trong nước, đảm bảo lương thực cho 127,4 triệu dân, đảm bảo sự ổn định để phát triển.

### ***Kinh nghiệm của Thái Lan***

Thái Lan là một trong số các quốc gia Đông Nam Á duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và liên tục với GDP tăng bình quân 7%/năm. Thu nhập bình quân đầu người từ 900 USD năm 1987 tăng lên 3.850 USD vào năm 2007. Sau khủng hoảng tài chính - tiền tệ 1997, Thái Lan đã nỗ lực điều chỉnh cơ cấu kinh tế, nhờ đó nền kinh tế đã phục hồi khá nhanh.

Thái Lan thực hiện điều chỉnh cơ cấu ngành theo mô hình công nghiệp hoá rút ngắn, cụ thể là chuyển mô hình cơ cấu ngành kinh tế hướng về xuất khẩu theo tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế trong một thời gian tương đối ngắn. Năm 1995, tỷ trọng nông nghiệp trong GDP chỉ chiếm 10,7%, tỷ trọng công nghiệp là 41,7% và dịch vụ 47,6% GDP. Đến năm 2004, con số tương ứng là 9,9%, 44,1% và 46,2%.

Thực hiện mở cửa nền kinh tế, lúc đầu là với phương Tây đứng đầu là Mỹ, sau đó là với Trung Quốc, Liên bang Nga, các nước ASEAN, châu Phi, châu Mỹ Latinh; gia nhập vào các tổ chức kinh tế quốc tế và khu vực: WTO, APEC và AFTA. Thái Lan đã thực hiện tự do hoá thương mại, cắt giảm thuế quan; thực hiện chính sách mở cửa đầu tư nước ngoài khá thông thoáng, cải thiện môi trường đầu tư, cho phép nước ngoài thâm nhập vào thị trường, kể cả thị trường các lĩnh vực dịch vụ thông tin, vận tải biển, hàng không, đường bộ, du lịch, vì vậy, một lượng lớn đầu tư nước ngoài đổ vào Thái Lan rất nhanh, kéo theo đầu tư trong nước cũng tăng mạnh, làm thay đổi nhanh cơ cấu đầu tư; kết quả là: làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ các ngành có hàm lượng lao động cao sang phát triển các ngành có hàm lượng kỹ thuật cao, phát triển mạnh công nghiệp chế biến. Từ năm 1990 đến nay, Thái Lan chuyên hướng sang phát triển các ngành có hàm lượng kỹ thuật cao như: Máy tính và linh kiện máy tính, đồ điện gia dụng, các máy móc, các loại đồng hồ... Cùng với đó, Thái Lan đã thực hiện cơ cấu lại mặt hàng xuất khẩu theo hướng đa dạng, vừa tận dụng được lợi thế về tài nguyên thiên nhiên, nguồn lực lao động vừa thâm nhập được vào những khoảng trống trong phân công lao động quốc tế. Cuộc khủng hoảng tài chính, tiền tệ năm 1997 làm bộc lộ những hạn chế trong cơ cấu đầu tư, sự mất cân đối giữa sản xuất và tiêu dùng, giữa các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ, giữa thị trường trong nước và ngoài nước, sự yếu kém của hệ thống tài

chính - ngân hàng, sự mất cân đối trong cơ cấu vốn vay, tình trạng hối lộ, tham nhũng gia tăng, sự yếu kém trong giáo dục đào tạo nguồn nhân lực. Để vượt qua những khó khăn, thách thức mới, phục hồi và phát triển nền kinh tế đất nước, Thái Lan đã thực hiện nhiều giải pháp, nhất là điều chỉnh lại cơ cấu ngành kinh tế, xây dựng hệ thống chính sách ưu đãi năng động và thực tế, tự do hoá thương mại và giá cả triệt để theo cơ chế thị trường, khuyến khích sản xuất, kinh doanh, nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của nông sản hàng hoá sao cho phù hợp với điều kiện mới và đạt hiệu quả cao hơn.

Qua phân tích những kinh nghiệm của các nước, có thể rút ra một số bài học trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhằm đảm bảo cho nền kinh tế tăng trưởng bền vững: *Một là*, kiên trì mô hình kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế dựa vào tăng trưởng xuất khẩu các sản phẩm công nghiệp chế biến, công nghiệp chế tạo trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh “tĩnh” và “động” của đất nước. Thực hiện đa dạng hoá thị trường xuất khẩu để tăng kim ngạch xuất khẩu, đồng thời tránh lệ thuộc quá mức vào một số thị trường nước ngoài. *Hai là*, điều chỉnh cơ cấu ngành kinh tế theo hướng “rút ngắn”, chuyển từ cơ cấu phát triển các ngành có hàm lượng lao động cao sang các ngành có hàm lượng vốn, công nghệ cao, có khả năng tiếp ứng với tiến trình hội nhập kinh tế và quốc tế, đứng vững được trong cạnh tranh cả trên thị trường trong nước và nước ngoài. Chọn lựa những ngành có thế mạnh để mở cửa cạnh tranh, chỉ bảo hộ những ngành, lĩnh vực có khả năng cạnh tranh trong tương lai, bảo hộ có chọn lọc, có địa chỉ, có thời hạn. *Ba là*, xác định đúng đắn vị trí đặc biệt quan trọng của ngành nông nghiệp, lấy nông nghiệp làm điểm tựa khởi đầu để phát triển toàn bộ nền kinh tế quốc dân. *Bốn là*, cần hoạch định chính sách cơ cấu ngành kinh tế quốc gia theo hướng khai thác có hiệu quả nguồn lực bên trong và bên ngoài, phù hợp với tiến trình hội nhập, đồng thời, cần tính đến vai trò của định chế toàn cầu, các tổ chức kinh tế khu vực và các Công ty xuyên quốc gia (TNCs). *Năm là*, thực hiện ổn định kinh tế vĩ mô, cung cấp các kết cấu hạ tầng tốt, tạo môi trường pháp lý rõ ràng, nhất quán, bình đẳng cho mọi thành phần kinh tế hoạt động kinh doanh.

---

#### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2004), *Tình hình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn trong gần 20 năm đổi mới*, Báo cáo tổng kết, Hà Nội.
2. Lương Đình Hải (chủ biên), Lê Xuân Đình và Nguyễn Đình Hòa (2008), *Hiện đại hóa xã hội vì mục tiêu công bằng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Bích Hương (2005), *Chuyển đổi cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991, 1996, 2001, 2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, VIII, IX, X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Nguyễn Hữu Sở (2009), *Phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Đại học Kinh tế - ĐHQG Hà Nội.

